TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1054/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Huy H, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp X, xã L, huyện L1, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa;

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị H1, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Huy H trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; ông và bà Mai Thị H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H2, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004 ngày 10/12/2004. Thời gian đầu sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa ông và bà H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Ông và bà H1 không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay và hiện bà H1 đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai Thị H1.

+ Về con chung: Ông và bà H1 có 02 con chung là Phan Trung H3, sinh ngày 25/6/2005 và Phan Quang H4, sinh ngày 28/10/2009. Hiện các con đang sống chung với ông nên sau khi ly hôn, ông đề nghị giao 02 con chung cho ông tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời, không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên,bị đơn bà Mai Thị H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho ông Phan Huy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm thời, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Nguyên đơn ông Phan Huy H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Mai Thị H1 có nơi cư trú tại ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn ông Phan Huy H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Mai Thị H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà H1.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Huy H và bà Mai Thị H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H2, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004 ngày 10/12/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà H1 là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay, hiện bà H1 cũng đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng bà H1 không có mặt; Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1; Tuy nhiên, bà H1 không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của ông Phan Huy H và bà Mai Thị H1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Phan Huy H và bà Mai Thị H1 được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Ông H và bà H1 có 02 con chung là Phan Trung H3, sinh ngày 25/6/2005 và Phan Quang H4, sinh ngày 28/10/2009. Hiện các con đang được ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Xét yêu cầu của ông H, nguyện vọng của các con và sự cần thiết của việc đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ; căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là Phan Trung H3, sinh ngày 25/6/2005 và Phan Quang H4, sinh ngày

28/10/2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Huy H với bị đơn bà Mai Thị H1 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Huy H được ly hôn với bà Mai Thị H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phan Trung H3, sinh ngày 25/6/2005 và Phan Quang H4, sinh ngày 28/10/2009 cho ông Phan Huy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà Mai Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mai Thị H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phan Huy H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được tính từ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001820 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông Phan Huy H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Thi hành bản án của Tòa án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- UBND xã Hiệp Phước, H. Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh